|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2020* |

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 17/01/2019 đến ngày 25/01/2020*)

**Phần thứ 1**

**TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Mạ chiêm xuân sớm  | Gieo, nhổ cấy  | 18.744 |
| - Lúa sạ  | Gieo. đẻ nhánh  | 766 |
| - Lúa cấy  | Bén rễ, hồi xanh, đẻ nhánh | 13.777 |
| - Ngô đông | PT bắp, thu hoạch  | 31.368 |
| - Khoai tây | PT củ, thu hoạch  | 6.638 |
| - Rau họ thập tự | PTTL, thu hoạch | 45.241 |
| - Cam, quýt, bưởi | PT quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển lộc, chăm sóc  | 74.805 |
| - Chè | PT búp - đốn  | 89.531 |
| - Cà phê | PT quả, TH  | 21.024 |
| - Cao su | KTCB, thu hoạch nhựa | 23.202 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa đông xuân  - Lúa gieo  | Mạ , 3-4 lá Bén rễ, hồi xanh , đẻ nhánhCấy  | 1.71176.15915.473 |
| - Ngô | Nhiều giai đoạn  | 29.868 |
| - Rau các loại, ớt  | Cây con - PT thân lá - TH | 10.436 |
| - Lạc Đông | Thu hoạch  | 218 |
| - Cam, chanh | Thu hoạch, Phân hóa hoa  | 24.148 |
| - Mía | Tích lũy đường. chín  | 53.913 |
| - Hồ tiêu | Ra hoa, PT quả  | 3.813 |
| - Cà phê | Nuôi quả - thu hoạch | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 76.610 |
| - Chè | KTCB - KD | 13.421 |
| - Cây sắn | PTTL - củ  | 54.318 |
|  | Trồng mới  | 11.097 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Thông  | KTCB-KD | 104.806 |
| * Keo bạch đàn
 | KTCB – KD | 283.371 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** |  **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | 224.254 |
| *Vụ Đông Xuân cực sớm* | *Đứng cái, làm đòng*  | *1.668* |
| *Vụ Đông Xuân sớm*  | *Đẻ nhánh , đứng cái*  | *40.169* |
| *Vụ Đông xuân Chính vụ* | *Mạ, đẻ nhánh*  | *185.512* |
| *Vụ Đông Xuân muộn* | *Mạ*  | *25.210* |
| - Cây cà phê | Cuối thu hoạch, chăm sóc sau thu hoạch  | 633.662 |
| - Tiêu | Chắc quả, chín  | 94.512 |
| - Cây điều | Ra lộc non, ra hoa quả non  | 114.024 |
| - Cao su | Rụng lá sinh lý, thay lá  | 295.489 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 36.489 |
| - Đậu đỗ  | Chắc hạt - thu hoạch | 2.206 |
| - Lạc  | Cây con PTTL  | 14.989 |
| - Ngô  | nhiều giai đoạn  | 102.247 |
| - Cây sắn  | TH, PTTL, nuôi củ  | 221.991 |
| - Mía | Chín sinh lý thu hoạch | 96.346 |
| - Thanh long | Chăm sóc - Thu hoạch | 29.272 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc | 13.518 |
| - Cây chè | Chăm sóc -Thu hoạch | 13.412 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Lúa Thu Đông - Mùa | Đã thu hoạch 891.674/919.650 ha. Diện tích còn lại đang tập chung chín |
| Lúa Đông Xuân 2019-2020 |  | *1.592.694* |
|  | *Mạ* | *130.822* |
|  | *Đẻ nhánh* | *316.324* |
|  | *Đòng-trỗ* | *733.923* |
|  | *Chín* | *242.658* |
|  | *Thu hoạch* | *168.967* |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 21.275 |
| - Cây có múi | Ra cơi, PT thân lá  | 106.141 |
| - Cây rau màu | Các giai đoạn  | 60.067 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 22.948 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, PTTL  | 29.720 |
| - Cây cà phê | Nuôi quả | 35.882 |
| - Cây hồ tiêu | Ra hoa, nuôi quả  | 48.384 |
| - Cây điều | Ra hoa, đậu quả  | 187.306 |
| - Cây dừa | Các giai đoạn | 154.187 |
| - Cây sắn | Thu hoạch, cây con, PTTL | 53.329 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh, vươn lóng, thu hoạch  | 24.938 |

*Tỉnh Kiên Giang có 20 ha lúa vụ đông xuân bị ảnh hưởng do hạn mặn tỷ lệ từ 30-40%*

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 15.830 ha (tăng 9.201 ha so với kỳ trước, giảm 13.380 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng...

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 28.050 ha (tăng 4.254 ha so với kỳ trước, tăng 970 ha so với CKNT), phòng trừ 109 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 2.822 ha (tăng 1.968 ha so với kỳ trước, tăng 777 ha so với CKNT). Tập trung các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 3.146 ha (tăng 2.899 ha so với kỳ trước, tăng 1.302 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Gia Lai, Bình Thuận, Hậu Giang, Vĩnh Long,...

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 4.963 ha (tăng 1.880 ha so với kỳ trước, giảm 3.163 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 5.284 ha (giảm 164 ha so với kỳ trước, giảm 5.081 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh,…

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 3.559 ha (tăng 230 ha so với kỳ trước, giảm 1.714 ha so với CKNT). Tập trung tại tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long,...

 ***- Sâu đục thân***: Diện tích nhiễm 321 ha (giảm 1.095 ha so với kỳ trước, giảm 256 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, Ninh Thuận, …

***- Chuột****:* Diện tích hại 4.741 ha (tăng 605 ha ha so với kỳ trước, tăng 1.864 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh trồng lúa

- **OBV**: Diện tích hại 2.854 ha (tăng 382 ha so với kỳ trước, giảm 2.698 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh trồng lúa.

**1.2. Cây ngô:**

**-** Sâu keo mùa thu nhiễm 1.040 ha (giảm 10 ha so với kỳ trước), diện tích nhiễm nặng 38 ha, phòng trừ 259 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trồng ngô trong cả nước. Hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

- Bệnh lùn xoắn cây ngô: Phát sinh gây hại cục bộ, diện tích nhiễm 12,75 ha tương đương tuần trước, tỷ lệ cây bị hại 2-3%, cao 5-7%, cục bộ 15-20%. Phân bố ở huyện Hương Khê và Vũ Quang, Hà Tĩnh (12,0ha) và Nghệ An (0,75ha).

**1.3. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.4. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 2.011 ha (tăng 27 ha so với kỳ trước, giảm 2.027 ha so với CKNT), nhiễm nặng 470 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.5. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 1.296 ha (tăng 509 ha so kỳ trước, giảm 1.714 ha so với CKNT), nặng 01 ha, phòng trừ 600 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 8.016 ha (giảm 13 ha so với kỳ trước, giảm 1.673 ha so với CKNT), nặng 237 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.257 ha (giảm 138 ha so với kỳ trước, giảm 1.971 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.224 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 4.205 ha (giảm 31 ha so với kỳ trước, giảm 2.249 ha so với CKNT), nhiễm nặng 868 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 574 ha (tăng 23 ha so với kỳ trước, giảm 574 ha so với CKNT), nhiễm nặng 09 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ.

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 13.583 ha (giảm 222 ha so với kỳ trước, tăng 593 ha so CKNT), nhiễm nặng 50 ha, phòng trừ 3.313 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 9.077 ha (tăng 67 ha so với kỳ trước, giảm 587 ha so CKNT), nặng 95 ha, phòng trừ 2.089 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai, ...

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 1.959 ha (giảm 230 ha so với kỳ trước, giảm 1.040 ha so với CKNT). Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè:** Bọ xít muỗi, diện tích nhiễm 1.707 ha (giảm 222 ha so với kỳ trước, tăng 854 ha so với CKNT), phòng trừ 450 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Thái Nguyên.

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 32.218 ha (giảm 2.156 ha so với kỳ trước, tăng 13.123 ha so với CKNT), nhiễm nặng 2.980 ha

Bệnh đang gây hại tại 19 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước (không báo cáo số liệu), Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, An Giang, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Quảng Trị

**1.11. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 6.555 ha (giảm 941 ha so với kỳ trước, giảm 13.427 ha so với CKNT), phòng trừ 3.981 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk lăk, Gia Lai, Lâm Đồng, Bà Rịa Vũng Tàu.

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 12.040 ha (giảm 146 ha so với kỳ trước, giảm 18.469 ha so với CKNT), phòng trừ 3.876 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk Lăk, Gia Lai, Bà Rịa Vũng Tàu.

***- Sâu đục thân cành:*** Diện tích nhiễm 3.323 ha (giảm 2.287 ha so với kỳ trước, giảm 11.137 ha so với CKNT). Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Gia Lai, Lâm Đồng…

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung theo dõi diễn biến sâu năn (muỗi hành), rầy nâu vào đèn, lấy mẫu giám định xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus vàng lùn, lùn xoắn lá và theo dõi tiến độ xuống giống vụ Đông Xuân 2019 – 2020 để phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống SVGH. Chỉ đạo các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang tăng cường các biện pháp quản lý sâu năn hiệu quả.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng và bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều.

- Các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

- Các tỉnh nghiêm túc thực hiện công văn số /BVTV-TV ngày /01/2020 của Cục BVTV về công tác phòng chôngs sinh vật gây hại cây trồng trong dịp Tết Nguyên đán.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Trên lúa**

**a) Các tỉnh phía Bắc**

**-** Mạ chiêm xuân sớm: Sâu đục thân hai chấm, bệnh đạo ôn, ốc bươu vàng mật độ, tỷ lệ hại thấp; chuột, rầy nâu - rầy lưng trắng hại diện hẹp.

- Lúa:Ốc bươu vàng, chuột, tuyến trùng rễ, bệnh nghẹt rễ tiếp tục gây hại.

**b) *Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn...gây hại trên lúa ở giai đoạn đòng đến trỗ chín.

- Bọ trĩ, ruồi đục nõn, sâu năn...gây hại ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Chuột: Gây hại nhẹ trên các trà lúa, nặng hại cục bộ.

- OBV: Lây lan theo nguồn nước.

***c) Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

- Rầy nâu: phổ biến trưởng thành mang trứng – tuổi 1, gây hại chủ yếu ở mức nhẹ-trung bình.

- Bệnh đạo ôn lá, bệnh bạc lá, bệnh khô vằn, sâu đục thân... tiếp tục phát triển gây hại trên ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ; Chuột gây hại ở giai đoạn đòng trỗ đến chín; OBV gây hại giai đoạn mạ.

- Muỗi hành (sâu năn): xuất hiện cục bộ ở giai đoạn lúa đẻ nhánh-đòng tại một số địa phương. Kết hợp với thời tiết se lạnh, trời âm u, có sương mù là điều kiện thích hợp cho muỗi hành phát sinh phát triển. Các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang cần theo dõi chặt chẽ đối tượng này để có biện pháp quản lý hiệu quả.

- OBV trên lúa ở giai đoạn mạ; sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá vi khuẩn giai đoạn đẻ nhánh-đòng; chuột giai đoạn trỗ chín.

**1.2. Trên cây trồng khác**

- **Trên cây ngô**: sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại.

- Trên cây rau, màu: sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, sâu khoang, ruồi đục lá, bệnh phấn trắng, bọ trĩ, nhện đỏ… phát sinh gây hại nhẹ; bệnh xoăn lá virus tiếp tục gây hại trên cây cà chua.

**- Cây ăn quả có múi**:Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ tiếp tục phát sinh gây hại xu hướng tăng tại các vùng chuyên canh.

**- Cây nhãn, vải:** bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại tại các tỉnh phía Nam.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp, bệnh phồng lá ... tiếp tục gây hại.

**- Cây mía**: Bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch, nặng hại cục bộ.

**- Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại, có khả năng phát sinh gây hại tăng; rệp sáp bột hồng tái xuất hiện và gây hại tại địa phương đã từng phát hiện trước đây.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; bọ cánh cứng tiếp tục gây hại trên cây cà phê ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum, Đắk Lắk,rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu:** Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh khô cành...tiếp tục gây hại tăng ở giai đoạn PTTL, ra lộc non.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

 - Thực hiện công văn số 121/BVTV-TV ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

 - Thực hiện công văn số 3626/BVTV-TV ngày 18/12/2019 về việc phòng chống chuột gây hại trong sản xuất nông nghiệp.

 - Trên mạ, gốc rạ, bờ cỏ: Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn sâu chuyển vụ như: Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ.

 - Trên lúa: Phòng trừ các đối tượng dịch hại ở những nơi có mật độ, tỷ lệ cao.

 - Tiếp tục theo dõi sâu bệnh trên các cây trồng khác như: Ngô, rau họ hoa thập tự, cà chua, khoai tây, cây ăn quả, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp.

 **2. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

 - Thực hiện công văn số 121/BVTV-TV ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

 - Thực hiện công văn số 3626/BVTV-TV ngày 18/12/2019 về việc phòng chống chuột gây hại trong sản xuất nông nghiệp.

 - Thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Theo dõi: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, ... trên cây tiêu; Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành hại cây điều; Bệnh thối cành, thối quả, bệnh thối rễ tóp cành... hại trên cây thanh long; bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư, ... hại trên cây sầu riêng.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus đang phát sinh gây hại gia tăng, đề nghị các tỉnh tăng cường theo dõi diễn biến bệnh, rà soát kỹ diện tích nhiễm sắn ở địa phương, chỉ đạo tiêu hủy triệt để nguồn bệnh tránh lây lan diện rộng.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

 - Thực hiện nghiêm túc công văn số 121/BVTV/TV ngày 16/01/2020 về việc theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán.

- Thời tiết hiện nay thích hợp sâu năn phát sinh phát triển, cảnh báo với các địa phương theo dõi sát đối tượng này nhất là trong đợt gieo sạ vào đầu tháng 01/2020.

 - Tiếp tục theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh nặng.

 - Thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô.

 - Hiện nay cây điều đang ở giai đoạn quả non, thời tiết thích hợp (đêm trời lạnh, sáng sớm có sương mù) cho bọ xít muỗi và bệnh thán thư gia tăng cần tăng cường công tác điều tra phát hiện để phát hiện sớm và có biện pháp quản lý tốt hai đối tượng này.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục BVTV;- Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);- Trung tâm BVTV vùng;- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;- Báo NNVN; Đài VTC16;- Lưu: VT, BVTV.  | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

 | **KT. CỤC TRƯỞNG**369**PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 17/01/2019 đến ngày 23/01/2019*)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | **DTN nhiễm so** | **DTPT (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 28.050 | 27.616 | 435 |  | 4.254 | 970 | 109 | BT. LĐ. NT. ST. KG. BL. LA. VL. ĐT |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 2.822 | 2.822 |  |  | 1.968 | 777 |  | LĐ. BT. BL. ST. AG. TV. KG. LA |
| 3 | Rầy hại lúa | 15.830 | 15.828 | 2 |  | 9.201 | -13.380 | 0 | LĐ. BT. ST. AG. TG. VL. LA. TV |
| 4 | Sâu đục thân  | 321 | 321 |  |  | -1.095 | -256 | 26 | BT. ST |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 3.559 | 3.554 | 5 |  | 230 | -1.714 | 95 | PY. BT. ST. BL. KG. AG. ĐT. VL |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 5.284 | 5.284 |  |  | -164 | -5.081 |  | BL. ST. AG. ĐT. KG. TV |
| 7 | Chuột hại lúa | 4.741 | 4.685 | 56 |  | 605 | 1.864 | 460 | Các tỉnh trồng lúa  |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 1.845 | 1.772 | 73 |  | 35 | -2.255 | 1.416 | Các tỉnh trồng lúa |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 3.146 | 3.146 |  |  | 2.899 | 1.302 |  | BL, ST, VL, TN, HG, HCM, ĐN |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 4.963 | 4.963 |  |  | 1.880 | -3.163 |  | BL, ST, KG, ĐT, CM, VL, AG |
| 11 | Chổi rồng nhãn | 2.011 | 1.541 | 470 |  | 27 | -2.027 |  | VL. ĐT. ST. CT. BP. BT. HG. TG . BRVT |
| 12 | Bệnh đốm nâu thanh long | 1.297 | 1.297 |  |  | 1 | -1.267 | 506 | LA. TG. ĐN. BRVT. BTh |
| 13 | Bọ cánh cứng hại dừa | 8.016 | 7.779 | 237 |  | -13 | -1.673 |  | BT. CM. ST. TV. KG. TG. VL |
| 15 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.257 | 3.033 | 1.224 |  | -138 | -1.971 | 254 | QTri. GL. ĐN. ĐL. BP. ĐN. KG. BD |
| 16 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 4.205 | 3.337 | 868 |  | -31 | -2.249 | 271 | QT. QB. TTH. GL. ĐN.ĐL. LĐ. BT. BP. VT. KG. ĐN. BD |
| 17 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 574 | 435 | 9 |  | 23 | -574 | 133 |  Q.Trị. Huế. GL. ĐN. ĐL. LĐ. BT. BP. KG. ĐN |
| 18 | Bệnh khô cành cà phê | 13.583 | 13.533 | 50 |  | -222 | 593 | 3.313 | SL. ĐB. QTri. LĐ. GL. BP. Đn |
| 19 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 9.077 | 8.982 | 95 |  | 67 | -587 | 2.089 | ĐB. Q Trị. GL. LĐ. KH |
| 20 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 1.959 | 1.959 |  |  | -230 | -1.040 |  | L.Đồng |
| 21 | Bọ xít muỗi hại chè | 1.707 | 1.707 |  |  | -222 | 854 | 1.450 | Lâm Đồng, Thái Nguyên |
| 22 | Bọ xít muỗi hại điều | 6.555 | 6.555 |  |  | -941 | -13.427 | 3.981 | LĐ. GL. BTh. ĐL. BP. ĐN. BRVT |
| 23 | Bệnh thán thư hại điều | 12.040 | 11.701 | 339 |  | -146 | -18.469 | 3.876 | LĐ. BT. ĐLak. BP. ĐN.BRVT |
| 24 | Sâu đục thân/cành điều | 3.323 | 3.287 | 36 |   | -2.287 | -11.137 | 141 | LĐ. GL. ĐL.BT. BP. ĐN. BD. BT |
| 25 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 32.218 | 29.268 | 2.950 |  | -2.156 | 13.123 | 32 | TN. BD. BP. LA. ĐN. HCM. BRVT. AG. GL. ĐL. PY. BT. KH. NT. KT. LĐ. QNgai.  |
| 26 | Sâu keo mùa thu hại ngô  | 1.040 | 1.002 | 38 |  | -10 | 702 | 259 |  TN, ĐN, NA, QT, TTHuế, B.Th, Q.Ng, L.Đ,Q.Nam, BĐ, KT, BG, LC |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**